

Số: 112 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2020

**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**ĐẾN** Số:.....

Ngày:.....

Chuyển: ITTK *đây*

Số và ký hiệu HS:.....

### KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trung tâm Thông tin

Thực hiện Quyết định số 187/QĐ-TTr ngày 17/6/2020 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trung tâm Thông tin, từ ngày 24/6/2020 đến ngày 30/6/2020, Đoàn thanh tra Bộ LĐTBXH đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Thông tin (sau đây gọi là Trung tâm).

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 13/7/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH kết luận như sau:

#### A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Đơn vị: Trung tâm Thông tin.

2. Địa chỉ: Tầng 3, 4, nhà C, số 2, phố Đinh Lễ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

3. Địa chỉ liên lạc qua các phương tiện

Điện thoại: 024.62703638.

Fax: 024.62703609.

Email: Lasic@molisa.gov.vn

#### 4. Năm thành lập

Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 239 LĐ-TBXH/QĐ ngày 12/8/1987 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với tên gọi là Trung tâm khoa học Lao động và Xã hội, sau đó đổi tên thành Trung tâm Thông tin – Thống kê Lao động và Xã hội theo Quyết định số 1302/LĐTBXH-QĐ ngày 23/10/1997 và Trung tâm Tin học theo Quyết định số 1119/2003/QĐ-BLĐTBXH ngày 10/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hiện nay là Trung tâm Thông tin theo Quyết định số 513/QĐ-LĐTBXH ngày 10/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

#### 5. Chức năng, nhiệm vụ

Theo Quyết định số 198/QĐ-LĐTBXH ngày 21/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trung tâm có chức năng, nhiệm vụ chính:

*u*

- Chức năng: Tổ chức các hoạt động thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội của Bộ, ngành; cung cấp các dịch vụ liên quan đến thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ:

+ Về hoạt động thông tin: Trình Bộ trưởng ban hành các quy chế về công tác thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Bộ; nghiên cứu, xây dựng trình Bộ về phương án tổ chức hệ thống thông tin thống nhất trong ngành; thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, ngành; xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, ngành; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

+ Về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin: Xây dựng và thực hiện các phương án đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ triển khai các biện pháp an toàn, an ninh thông tin theo quy định; quản trị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ, bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt; hỗ trợ sử dụng công nghệ thông tin cho công chức, viên chức của Bộ, ngành; xây dựng, quản lý, duy trì hoạt động cổng thông tin điện tử của Bộ và Hệ điều hành tác nghiệp (eMolisa) của Bộ; phối hợp các đơn vị thuộc Bộ xây dựng, quản lý, vận hành website (trang thông tin điện tử) của mỗi đơn vị; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính của Bộ, kết nối với mạng thông tin hành chính điện tử và cổng thông tin điện tử của Chính phủ;

+ Về hoạt động thống kê: Tổ chức điều tra, báo cáo, phân tích thông tin thống kê lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê và cập nhật, lưu trữ dữ liệu, tài liệu điều tra thống kê.

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **I. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ**

Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của Trung tâm từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/6/2020 như sau:

#### *1. Về hoạt động thông tin*

- Cung cấp các bản tin “Thông tin tham khảo Quốc tế tổng hợp” được thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau với tần suất 2 bản tin/tháng (vào các ngày 15 và ngày 30 hàng tháng); bản tin số liệu “Thông tin cơ bản về lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội của 63 tỉnh/thành phố” được thực hiện hàng quý gửi đến lãnh đạo Bộ và một số đơn vị như Văn phòng, Vụ Kế hoạch – Tài chính.

- Cung cấp các bản tin hàng ngày, được thu thập, tổng hợp và xử lý trên 800 tin bài từ báo điện tử, báo giấy về các thông tin liên quan đến hoạt động của ngành. Bản tin đăng tải trên Hệ điều hành tác nghiệp nội bộ eMolisa. Tính đến thời điểm 24/6/2020, đã đăng tải được hơn 5.500 tin bài lên Hệ điều hành eMolisa.

- Năm 2019, đã xây dựng bản tin “Chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ trong tuần” với tần suất định kỳ là 2 tuần/bản tin; hoàn thành xây dựng phim tài liệu về kết quả công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác Lao động – Người có công và Xã hội năm 2020; phát hành ấn phẩm về sự kiện Bộ, ngành năm 2019.

- Từ 01/01/2020 đến 24/6/2020, xây dựng bản tin tham khảo tình hình lao động xã hội quốc tế được thực hiện định kỳ 2 tuần/ 1 bản (đã phát hành 11 bản tin); thực hiện thí điểm vận hành công cụ xã hội “Social Listening” để rà soát thông tin trên mạng Internet về lĩnh vực trẻ em và chính sách hỗ trợ Covid – 19.

### *2. Về hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin*

- Hàng năm, phối hợp với các đơn vị liên quan nâng cấp phần mềm quản lý chi trả đối với người có công; phần mềm liên thông văn bản điện tử tại Bộ với văn bản quốc gia; phần mềm dự toán quyết toán tại Vụ Kế hoạch – Tài chính; phần mềm quản lý cán bộ, công chức tại Vụ Tổ chức cán bộ.

- Năm 2018, đã trình Bộ trưởng ban hành Chỉ thị số 02/CT-LĐTBXH ngày 10/8/2018 về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin của ngành đến năm 2020; tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác về công nghệ thông tin với Tập đoàn viễn thông Quân đội; triển khai hệ điều hành tác nghiệp eMolisa 5.0 đến các đơn vị thuộc Bộ.

- Năm 2019, đã triển khai đồng bộ tài khoản eMolisa và tài khoản thư điện tử nhằm đảm bảo cơ chế đăng nhập một lần; tăng dung lượng lưu trữ hòm thư công vụ lên 2GB, tăng dung lượng thư công vụ gửi ra gửi vào lên 2,5MB, cập nhật phiên bản mới của hệ thống thư điện tử công vụ (tổng số hòm thư công vụ của Bộ được thiết lập, sử dụng đối với công chức, viên chức, người lao động là 2.200 địa chỉ hòm thư); triển khai hệ thống mạng không dây tập trung tại trụ sở chính của Bộ; đưa hệ điều hành tác nghiệp eMolisa 6.0 vào sử dụng; hoàn thành xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ công việc trực tuyến, tích hợp vào hệ điều hành tác nghiệp eMolisa 6.0

- Từ 01/01/2020 đến 24/6/2020, triển khai xây dựng kiến trúc chính phủ điện tử phiên bản 2.0 của Bộ; hỗ trợ kỹ thuật cho khoảng 1.200 lượt đơn vị sử dụng phần mềm quản lý chi trả người có công; nâng cấp, chỉnh sửa và hoàn thiện Hệ điều hành tác nghiệp eMolisa 6.0; hoàn thành tích hợp Module Hành chính nội bộ vào eMolisa 6.0; nâng cấp công cụ hỗ trợ cho việc phát triển phần mềm 2.0, liên thông 4 cấp trên eMolisa 6.0; hoàn thành xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ công việc trực tuyến, tích hợp vào eMolisa 6.0.

### *3. Về hoạt động thống kê*

Đã phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra thống kê và cập nhật, lưu trữ dữ liệu, tài liệu điều tra thống kê trong lĩnh lao động, người có công và xã hội (Công văn số 102/TTTT-TTLĐ ngày 17/7/2018 của Giám đốc Trung tâm về việc phối hợp với Cục Quản lý lao động ngoài nước thực hiện điều tra về “lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài về nước”,

*ca*

phối hợp Cục Quan hệ lao động tiền lương xây dựng phần mềm điều tra trực tuyến về lao động, tiền lương tại doanh nghiệp)

Về số liệu thống kê, hàng năm, Trung tâm chủ động được bổ sung, cập nhập số liệu xử lý từ các cuộc điều tra doanh nghiệp, điều tra mức sống hộ gia đình, điều tra nông thôn, nông nghiệp thủy sản (số liệu từ các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê). Số liệu được cập nhập vào kho dữ liệu tổng hợp trên địa chỉ <http://kinhtexaxhoitonghop.molisa.gov.vn>.

## II. Công tác tổ chức, cán bộ

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự (tính đến thời điểm ngày 24/6/2020)

### 1.1. Cơ cấu tổ chức chuyên môn

Theo Quyết định số 1386/QĐ-LĐTBXH ngày 19/9/2013 của Bộ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm gồm Ban Lãnh đạo và 06 phòng chức năng. Đến ngày 21/02/2019, Bộ ban hành Quyết định số 198/QĐ-LĐTBXH quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm, trong đó cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm gồm Ban Lãnh đạo và 05 phòng chức năng (gộp phòng Phòng Thông tin Lao động, Phòng Thông tin Xã hội thành Phòng Thông tin Lao động xã hội và Thống kê theo Quyết định số 198/QĐ-LĐTBXH).

Cơ cấu tổ chức bộ máy theo Quyết định số 198/QĐ-LĐTBXH ngày 21/02/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH cụ thể như sau:

Stt	Trung tâm	Số lượng (người)	Công chức, viên chức	Hợp đồng lao động
<b>I</b>	<b>Lãnh đạo</b>	<b>04</b>	<b>04</b>	
<b>II</b>	<b>Các phòng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>09</b>
1	Phòng Thông tin Lao động xã hội và Thống kê	07	05	02
2	Phòng Thông tin Đối ngoại	03	03	
3	Phòng Hệ thống	06	03	03
4	Phòng Phát triển ứng dụng	05	04	01
5	Văn phòng	06	03	03
<b>Tổng cộng</b>		<b>31</b>	<b>22</b>	<b>09</b>

### 1.2. Về công chức, viên chức, người lao động

- Về số lượng: Tổng số là 31 người (nam: 14; nữ: 17).

+ Số lượng trong biên chế là 22 người/40 biên chế được giao theo Quyết định số 260/QĐ-LĐTBXH ngày 09/3/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc giao số lượng người làm việc (có 04 công chức và 18 viên chức).

*Ưu*

+ Số lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn là 09 người (có 02 hợp đồng lao động ký kết theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

- Về trình độ công chức, viên chức, người lao động: 01 tiến sĩ, 15 thạc sĩ, 13 đại học, 02 trung cấp.

- Về mã ngạch: Chuyên viên cao cấp và tương đương có 01 người; chuyên viên chính và tương đương có 06 người; chuyên viên và tương đương có 22 người và ngạch khác 02 người.

- Trung tâm thực hiện báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức, người lao động hàng năm về Bộ theo quy định.

- Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho 100% công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

- Đã rà soát và ký kết hợp đồng làm việc đối với 18/18 viên chức theo quy định.

- Đã ký hợp đồng với 09/09 người lao động:

+ Trung tâm ký hợp đồng lao động xác định thời hạn quá 02 lần liên tiếp, đối với cùng một vị trí việc làm đối với các ông (bà), Vũ Thị Hà, Trần Thị Thanh Hoà, Nguyễn Minh Hoàng, Trần Văn Trường, Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Đức Tùng. Cụ thể trường hợp ông Nguyễn Minh Hoàng, Trung tâm ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng 03 lần liên tiếp đối với ông Nguyễn Minh Hoàng ở cùng vị trí việc làm (hợp đồng lao động được ký kết 03 lần liên tiếp gồm hợp đồng lao động số 01/2017/HĐLĐ ngày 01/8/2017, số 02/2018/HĐLĐ ngày 27/7/2018 và phụ lục hợp đồng số 09/2019/PLHĐLĐ ngày 30/7/2019).

+ Trung tâm chưa rà soát 02 trường hợp ký kết hợp đồng với người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ để chuyển sang ký kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (gồm bà Dương Thị Hằng, hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được ký kết số 04/HĐLV ngày 28/12/2017; ông Nguyễn Văn Chung, hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được ký kết số 03/HĐLV ngày 28/12/2017).

+ Nội dung hợp đồng lao động được ký kết chưa thể hiện cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên, tại mục thời giờ làm việc, chế độ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chỉ ghi “theo quy định của nhà nước”.

### *1.3. Các tổ chức đảng, đoàn thể*

- Chi bộ Trung tâm trực thuộc Đảng bộ Bộ LĐTĐ (20 đảng viên chính thức).

- Công đoàn Trung tâm trực thuộc Công đoàn Bộ LĐTĐ.

- Chi Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (18 đoàn viên).

## *2. Việc quản lý, sử dụng công chức, viên chức và người lao động*

*2.1. Việc tuyển dụng viên chức và người lao động (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/6/2020)*

- Tuyển dụng, tiếp nhận viên chức: Không:

*th*

- Tuyển dụng người lao động: 04 người lao động, việc tuyển dụng đã thông báo công khai tại bảng tin của Trung tâm; đã ký hợp đồng thử việc không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề cần trình độ đại học với người được tuyển dụng.

- Về kế hoạch tuyển dụng bổ sung viên chức của Trung tâm:

+ Ngày 22/5/2020, Trung tâm có Công văn số 130/TTTT-VP trình Bộ kế hoạch tuyển dụng viên chức.

+ Ngày 09/6/2020, Bộ có Công văn số 2058/LĐT BXH-TCCB về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng 16 chỉ tiêu viên chức.

Đến thời điểm ngày 24/6/2020, Trung tâm chưa thực hiện tuyển dụng viên chức theo kế hoạch phê duyệt của Bộ LĐT BXH.

*2.2. Việc sắp xếp, bố trí và điều chuyển vị trí việc làm của công chức, viên chức, người lao động*

- Đã sắp xếp, bố trí viên chức và người lao động nhằm kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 198/QĐ-LĐT BXH ngày 21/02/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐT BXH.

- Công chức, viên chức, người lao động được bố trí, phân công công tác phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm tương ứng với bản mô tả công việc.

- Điều chuyển vị trí việc làm đối với 10 người kèm theo Quyết định số 24/QĐ-TTTT ngày 23/4/2019 gồm các ông (bà): Lê Hồng Thao, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Đình Lộc, Phạm Nguyệt Minh, Doãn Thị Thoa, Nguyễn Đức Tùng, Phí Thị Mai Chi, Phạm Ngọc Quỳnh, Vũ Thị Hà, Vũ Thị Thùy Chi. Việc điều chuyển nội bộ, thay đổi vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tế của Trung tâm và phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm.

*2.4. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thôi giữ chức vụ đối với người quản lý*

2.4.1. Công tác quy hoạch cán bộ

Thực hiện Hướng dẫn số 200-HD/BCS ngày 13/6/2017 của Ban Cán sự Đảng Bộ LĐT BXH về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021, xây dựng quy hoạch giai đoạn 2021-2026; Trung tâm đã thực hiện việc rà soát, bổ sung và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp giai đoạn 2017-2021 và 2021-2026 theo quy định, cụ thể:

- Đối với cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Lãnh đạo Trung tâm: Ban Cán sự Đảng Bộ LĐT BXH đã phê duyệt danh sách bổ sung quy hoạch giai đoạn 2016 - 2021 và quy hoạch giai đoạn 2021 - 2026 đối với 07 người tại Quyết định số 465-QĐ/BCSĐ ngày 18/6/2018.

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng, ban và tương đương: Giám đốc Trung tâm ban hành Quyết định số 50/QĐ-TTTT ngày 18/6/2018 về phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021, giai đoạn 2021-

*cd*

2026, trong đó quy hoạch vị trí trường phòng, phó trường phòng là 10 người và gửi kết quả đến tổ chức, cá nhân liên quan. Trung tâm đã rà soát hàng năm và đưa ra khỏi quy hoạch đối với 02 người (do chuyên công tác) tại Quyết định số 35/QĐ-TTTT ngày 20/6/2019, 16/QĐ-TTTT ngày 18/02/2020 của Trung tâm.

2.4.2. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp

- Năm 2018, bổ nhiệm lại 04 người.

- Năm 2019, bổ nhiệm mới 02 người.

- Năm 2020 (tính đến ngày 26/4/2020), bổ nhiệm lại 02 người.

\* Kết quả kiểm tra hồ sơ bổ nhiệm cán bộ quản lý:

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các trường hợp bổ nhiệm đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí được bổ nhiệm; đáp ứng khung năng lực của đề án vị trí việc làm do Trung tâm xây dựng.

Thẩm quyền bổ nhiệm được thực hiện theo quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2007; người được bổ nhiệm từ nguồn quy hoạch đã được phê duyệt.

2.4.3. Từ chức, miễn nhiệm chức vụ của người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý: Không phát sinh.

2.5. *Việc thực hiện chế độ nghỉ hưu, thôi việc (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/6/2020)*

- Nghỉ hưu: Có 02 trường hợp viên chức nghỉ hưu đúng tuổi. Trung tâm đã ban hành thông báo, quyết định nghỉ hưu đối với các trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu; phối hợp với tổ chức bảo hiểm xã hội tiến hành các thủ tục để các trường hợp nghỉ hưu được hưởng chế độ theo quy định.

- Thôi việc: Có 09 trường hợp thôi việc (trong đó có 03 viên chức và 06 hợp đồng lao động), 09/09 trường hợp có đơn xin thôi việc theo nguyện vọng và không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định. Trung tâm đã hoàn thành các nghĩa vụ liên quan như trả các khoản tiền lương, hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội đối các trường hợp thôi việc theo quy định.

2.6. *Việc thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp và các chế độ, chính sách đãi ngộ khác đối với công chức, viên chức, người lao động*

2.6.1. Thực hiện chính sách tiền lương

- Trung tâm thực hiện trả lương theo tháng; thời gian chi trả vào trước ngày 10 hàng tháng và chi trả qua tài khoản ngân hàng.

- Việc xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên đối với công chức, viên chức, người lao động: Trung tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với

*ea*

cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 51/QĐ-LĐTĐ ngày 13/01/2014 của Bộ trưởng Bộ LĐTĐ.

- Số lượng công chức, viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn gồm:

+ Năm 2018: Nâng lương thường xuyên 17 người, nâng lương trước thời hạn 02 người.

+ Năm 2019: Nâng lương thường xuyên 09 người, nâng lương trước thời hạn 01 người.

+ Năm 2020 (tính đến ngày 24/6/2020): Nâng lương thường xuyên 10 người, nâng lương trước thời hạn 01 người.

- Đã thành lập Hội đồng lương, kiện toàn Hội đồng lương theo Quyết định số 46/QĐ-TTTT ngày 01/6/2020 của Giám đốc Trung tâm.

- Người được nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đã đảm bảo về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

- Hội đồng lương đã tổ chức họp về việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, cuộc họp đã ghi biên bản theo quy định.

- Đã báo cáo Bộ việc nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức và người lao động.

#### 2.6.2. Thực hiện chế độ phụ cấp

Đã thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ đối với người giữ chức vụ quản lý (09 người); phụ cấp phụ cấp kế toán trưởng; phụ cấp thâm niên vượt khung (02 người).

#### 2.7. Việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động

Đã tổ chức đánh giá, phân loại công chức, viên chức, người lao động hàng năm theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ (Công văn số 4948/LĐTĐ-TCCB ngày 22/11/2018 của Bộ về đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động). Tuy nhiên, Trung tâm chưa xây dựng tiêu chí để đánh giá và phân loại công chức, viên chức, người lao động.

Kết quả đánh giá, xếp loại:

- Năm 2018: Tổng số công chức, viên chức, người lao động được đánh giá xếp loại là 36 người, trong đó:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12 người

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 24 người

*th*



- Năm 2019: Tổng số công chức, viên chức, người lao động được đánh giá xếp loại là 35 người, trong đó:

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 12 người

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 23 người

- Trung tâm đã báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động về Bộ.

- Thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, phân loại đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động.

- Kiểm tra ngẫu nhiên 05 phiếu đánh giá, xếp loại năm 2019, gồm:

Họ và tên	Kết quả đánh giá, xếp loại
Hoàng Quang Thành	Hoàn thành tốt nhiệm vụ - Trưởng phòng Hệ thống
Phí Thị Mai Chi	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ - Phó trưởng phòng Thông tin, lao động, xã hội và thống kê
Nguyễn Thanh Mai	Hoàn thành tốt nhiệm vụ - Văn phòng
Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ - Phòng Thông tin đối ngoại
Nguyễn Thị Lan Anh	Hoàn thành tốt nhiệm vụ - Phòng Thông tin, lao động, xã hội và thống kê

Kết quả:

+ Thẩm quyền đánh giá, phân loại viên chức, người lao động đúng quy định.

+ Phần nhận xét, đánh giá ưu, nhược điểm của người có thẩm quyền đánh giá, phân loại chưa ghi cụ thể trong phiếu đánh giá, phân loại.

+ Phiếu đánh giá, phân loại viên chức, người lao động đã được lưu hồ sơ viên chức, người lao động.

*2.8. Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật viên chức, người lao động*

*2.8.1. Công tác thi đua, khen thưởng*

- Việc bình xét thi đua, khen thưởng tại Trung tâm được tiến hành cùng với việc kiểm điểm, đánh giá công tác năm, cụ thể:

*ta*

+ Trung tâm đã thành lập Hội đồng thi đua - khen thưởng theo Quyết định số 28/QĐ-TTTT ngày 25/5/2019 của Giám đốc Trung tâm để bình xét thi đua, khen thưởng, hướng dẫn cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng đối với các phòng trực thuộc.

+ Đã ban hành quyết định công nhận danh hiệu thi đua - khen thưởng đối với những trường hợp thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị và gửi đến tập thể, cá nhân theo quy định.

- Kết quả công tác thi đua, khen thưởng:

+ Năm 2018:

Có 06 phòng trực thuộc được công nhận đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, trong đó có 02 phòng trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, 01 tập thể được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen.

Có 34 cá nhân được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến; có 05 cá nhân được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (02 cá nhân được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen).

+ Năm 2019:

Trung tâm đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen.

Có 05 phòng trực thuộc được công nhận đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, trong đó có 03 phòng trực thuộc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Có 34 cá nhân được công nhận đạt danh hiệu lao động tiên tiến; có 06 cá nhân được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (01 cá nhân được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH tặng bằng khen).

2.8.2. Kỷ luật viên chức, người lao động

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/6/2020, không có viên chức, người lao động bị xử lý kỷ luật.

### III. Công tác quản lý đầu tư; quản lý tài chính, tài sản

#### 1. Công tác quản lý mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động chuyên môn

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 24/6/2020: Trung tâm thực hiện mua sắm tài sản, vật tư phục vụ hoạt động chuyên môn với tổng giá trị theo hợp đồng ký kết là 67.690.283.838 đồng (*Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo*).

Kiểm tra công tác đấu thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng đối với gói thầu “Triển khai hệ thống wifi tập trung tại trụ sở chính của Bộ”.

##### a) Công tác đấu thầu

- Ngày 03/10/2019, Bộ LĐTBXH ban hành Quyết định số 1399/QĐ-LĐTBXH về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hình thức đấu thầu là chào hàng cạnh tranh.

*th*

- Ngày 04/10/2019, Trung tâm ban hành Quyết định số 52/QĐ-TTTT về việc phê duyệt dự toán gói thầu.

- Đã thông báo kế hoạch đấu thầu, đã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Tổ chuyên gia thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-TTTT ngày 02/01/2019 có tờ trình về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu, trên cơ sở tờ trình của tổ chuyên gia, ngày 24/10/2019 Chủ đầu tư đã phê duyệt hồ sơ yêu cầu kèm theo Quyết định số 71/QĐ-TTTT. Tuy nhiên, trong nội dung hồ sơ yêu cầu được duyệt, phần tiêu chuẩn đánh giá về khả năng bảo hành và cung cấp các dịch vụ sau bán hàng nêu yêu cầu “nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu; nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc đại diện nhà sản xuất tại Việt Nam” trong khi đó hàng hóa, tài sản được đầu tư là hàng thông dụng, được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất.

- Đã đăng tải thông tin mời thầu theo quy định (đăng thông báo ngày 31/10/2019).

- Việc đóng, mở hồ sơ đề xuất

+ Đã lập biên bản đóng thầu, mở thầu.

+ Thời điểm mở thầu: 09h30 phút ngày 15/11/2019, biên bản mở thầu đã thể hiện đầy đủ các thông tin của hồ sơ dự thầu của nhà thầu: Tình trạng niêm phong hồ sơ, tên nhà thầu; giá chào thầu, số lượng bản gốc, bản chụp; thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu và bảo lãnh dự thầu.

+ Đại diện chủ đầu tư đã ký vào các trang chính bản gốc của hồ sơ đề xuất theo quy định.

- Đã tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất, thương thảo hợp đồng và thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, trên cơ sở thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất, Chủ đầu tư đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-TTTT ngày 26/11/2019 về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng Kỹ thuật và sản xuất, giá trúng thầu là 2.073.368.000 đồng. Tuy nhiên, khi đánh giá hồ sơ đề xuất, Trung tâm chưa đánh giá kết quả hoạt động tài chính về tiêu chí “giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm 2018 phải dương” theo hồ sơ yêu cầu được duyệt.

- Đã ban hành thông báo số 253/TB-TTTT ngày 26/11/2019 về kết quả lựa chọn nhà thầu và đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

b) Công tác ký kết, thực hiện hợp đồng

- Công tác ký kết hợp đồng: Ngày 27/11/2019, Chủ đầu tư và đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng Kỹ thuật và sản xuất tiến hành ký kết hợp đồng số 27112019/HĐ-TTTT-HT. Các điều khoản, nội dung của hợp đồng đảm bảo đầy đủ các nội dung chính như phạm vi công việc thực hiện, giá trị hợp đồng, điều kiện, điều khoản thanh toán, thanh lý hợp đồng, thời gian, địa điểm thực hiện, quy định về giải quyết tranh chấp.

- Thực hiện hợp đồng:

+ Đã yêu cầu nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hợp đồng ký kết là 2% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền là 41.500.000 đồng.

+ Ngày 31/12/2019, Chủ đầu tư và Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng Kỹ thuật và sản xuất tiến hành nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Đến thời điểm ngày 24/6/2020, chủ đầu tư đã thanh toán với giá trị thanh toán là 2.073.368.000 đồng.

+ Các thiết bị được đầu tư, mua sắm đảm bảo đúng thông số kỹ thuật, có đủ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

## **2. Quản lý tài chính, tài sản**

### **2.1. Công tác lập, giao dự toán**

#### **a) Năm 2018**

- Dự toán Bộ giao: Kinh phí ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) giao 22.976 triệu đồng, bằng 14,8% so với dự toán Trung tâm lập. Trong đó, dự toán chi thường xuyên 3.926 triệu đồng, bằng 78,5% so với dự toán Trung tâm lập, chi không thường xuyên 14.050 triệu đồng bằng 0,9% so với dự toán Trung tâm lập; kinh phí dự án đầu tư 5.000 triệu đồng.

- Dự toán thu sự nghiệp, thu dịch vụ là 2.200 triệu đồng, bằng 110% so với ước thực hiện năm 2017.

- Thu sự nghiệp, thu dịch vụ trong năm thực tế đạt 1.419 triệu đồng đạt 64,5% dự toán Trung tâm lập.

#### **b) Năm 2019**

- Dự toán Bộ giao: Kinh phí không thường xuyên NSNN giao 17.602 triệu đồng, bằng 31% so với dự toán Trung tâm lập, kinh phí dự án đầu tư 15.000 triệu đồng

- Dự toán thu sự nghiệp, thu dịch vụ 2.200 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2018, bằng 155% so với thu thực tế năm 2018.

- Thu sự nghiệp, thu dịch vụ trong năm thực tế đạt 1.123 triệu đồng đạt 51% dự toán Trung tâm lập.

### **2.2. Tình hình quyết toán kinh phí**

- Tổng chi NSNN năm 2018: 21.975 triệu đồng đạt 95,6% so với tổng dự toán được sử dụng trong năm. Trong đó, chi thường xuyên là 3.926 triệu đồng đạt 100%, chi không thường xuyên 13.050 triệu đồng đạt 93%, chi đầu tư 5.000 triệu đồng đạt 100%. Kinh phí không thường xuyên (chương trình mục tiêu công nghệ thông tin) bị hủy trong năm 1.000 triệu đồng, nguyên nhân do ngày 20/11/2018, Trung tâm có tờ trình số 182/TTTT-VP trình Bộ phê duyệt kế hoạch đấu thầu hoạt động “Chuẩn hóa quy trình cung cấp các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp” nhưng chưa được Bộ phê duyệt thực hiện trong năm 2018.

*u*

- Tổng chi NSNN 2019: Chi không thường xuyên 15.656 triệu đồng đạt 89% so với dự toán được sử dụng trong năm, chi dự án đầu tư 15.000 triệu đồng đạt 100% so với dự toán. Kinh phí không sử dụng bị hủy trong năm 1.946 triệu đồng do chưa được Bộ phê duyệt đấu thầu gói thầu “Xây dựng phần mềm quản lý công tác tài chính – kế toán các đơn vị trực thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội” (giai đoạn 2).

### 2.3. Việc xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ

- Quy chế chi tiêu nội bộ được Đơn vị ban hành trong thời kỳ thanh tra:

+ Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 101/QĐ-TTTT ngày 15/11/2010.

+ Quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo Quyết định số 129/QĐ-TTTT ngày 28/12/2018.

- Trước khi ban hành, Quy chế chi tiêu nội bộ được lấy ý kiến của toàn bộ viên chức, người lao động tại Trung tâm và thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức.

- Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm đã quy định chi tiết các mục chi: Chi công tác phí, xăng xe công tác, khoán điện thoại, công thức tính thu nhập tăng thêm, phân trăm trích lập và sử dụng quỹ.

### 2.4. Các khoản thu

a) Năm 2018:

- Ngân sách Nhà nước cấp **22.976.000.000 đồng**. Trong đó:

+ Kinh phí thường xuyên:	3.926.000.000 đồng
+ Kinh phí không thường xuyên:	14.050.000.000 đồng
+ Kinh phí dự án đầu tư CNTT:	5.000.000.000 đồng

- Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp, thu khác: **1.418.419.821 đồng**.

Trong đó:

+ Thu bảo trì phần mềm:	386.363.639 đồng
+ Thu duy trì, cập nhật thông tin:	497.165.455 đồng
+ Thu xây dựng phần mềm:	487.118.000 đồng
+ Thu chuyển đổi dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật:	47.772.727 đồng

b) Năm 2019:

- Ngân sách Nhà nước cấp: **32.602.000.000 đồng**. Trong đó:

+ Kinh phí không thường xuyên:	17.602.000.000 đồng
+ Kinh phí dự án đầu tư CNTT:	15.000.000.000 đồng

- Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp, thu khác: **1.123.314.593 đồng**.

Trong đó:

+ Thu bảo trì phần mềm:	477.727.275 đồng
+ Thu duy trì, cập nhật thông tin:	532.800.000 đồng
+ Thu chuyển đổi dữ liệu, hỗ trợ kỹ thuật:	112.787.318 đồng

### 2.5. Các khoản chi (Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo)

u

Về tiền lương và thu nhập

a) Năm 2018: Tổng thu nhập của viên chức, người lao động là 4.014 triệu đồng. Trong đó:

- Thu thập từ tiền lương, phụ cấp tính theo lương: 2,229 triệu đồng
  - Thu nhập từ tiền chi ngày lễ tết từ quỹ phúc lợi: 221 triệu đồng
  - Thu nhập từ lương dự án: 142 triệu đồng
  - Thu nhập từ ký hợp đồng thực hiện chuyên môn: 1.422 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 9,3 triệu đồng/người/tháng.

b) Năm 2019: Tổng thu nhập của viên chức, người lao động: 4.054 triệu đồng. Trong đó:

- Thu thập từ tiền lương, phụ cấp tính theo lương: 2,259 triệu đồng
  - Thu nhập từ tiền chi ngày lễ tết từ quỹ phúc lợi: 94 triệu đồng
  - Thu nhập từ lương dự án: 185 triệu đồng
  - Thu nhập từ ký hợp đồng thực hiện chuyên môn: 1.516 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 9,4 triệu đồng/người/tháng.

2.6. Trích lập và sử dụng các quỹ

a) Năm 2018:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Số trích trong năm 555.694.593 đồng, sử dụng quỹ 420.330.000 đồng;

- Quỹ bổ sung thu nhập: Số trích trong năm 103.000.000 đồng, sử dụng quỹ 103.000.000 đồng.

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Dư đầu năm 526.074.694 đồng, số trích trong năm 71.197.572 đồng, sử dụng quỹ 31.190.279 đồng, dư quỹ cuối kỳ 566.081.987 đồng.

b) Năm 2019:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Số trích trong năm 359.156.019 đồng, sử dụng quỹ 382.944.000 đồng.

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Dư đầu năm 566.081.987 đồng, số trích trong năm 323.276 đồng, sử dụng quỹ 79.500.000 đồng, dư quỹ cuối kỳ 486.905.263 đồng.

Các quỹ được trích lập theo quy chế chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập chỉ đúng quy định, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chỉ 1.390.279 đồng (CTGNH34 ngày 27/12/2019) tiền nộp xử phạt vi phạm hành chính do chậm nộp thuế là không đúng quy định.

2.7. *Kê khai, quyết toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)*

- Thuế TNCN: Đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN, số thuế TNCN phải nộp năm 2018 là 39.678.605 đồng, năm 2019 là 46.918.598 đồng,

*ra*

số thuế phải nộp trên tờ khai quyết toán thuế khớp với số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính của Trung tâm.

- Thuế GTGT: Đã kê khai và nộp thuế GTGT, số thuế phải nộp trên tờ khai thuế GTGT quý 4 năm 2018 là 88.517.086 đồng, năm 2019 là 107.651.866 đồng, chênh lệch lớn hơn so với số thuế GTGT phải nộp trên báo cáo tài chính là 501.723 đồng.

- Thuế TNDN: Đã kê khai và quyết toán thuế TNDN, số thuế phải nộp trên tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2018 là 6.542.395 đồng, năm 2019 là 2.693.969 đồng. Thuế TNDN năm 2019 phải nộp trên tờ khai chênh lệch lớn hơn so với số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính năm 2019 là 6.708.414 đồng.

#### 2.8. Việc quản lý và sử dụng tài sản.

##### 2.8.1. Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền

###### a) Tiền mặt tại quỹ

Số dư tiền mặt ngày 31/12/2018 là 40.316.159 đồng

Số dư tiền mặt ngày 31/12/2019 là 172.955.019 đồng

Trung tâm đã lập biên bản kiểm kê quỹ cuối ngày 31/12, số tiền trên sổ sách và số tiền tồn quỹ khớp đúng.

###### b) Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Số dư tiền gửi ngày 31/12/2018 là 1.071.096.135 đồng

Số dư tiền gửi ngày 31/12/2019 là 692.866.225 đồng

Trung tâm đã thực hiện đối chiếu số dư với kho bạc và ngân hàng nơi mở tài khoản. Số tiền trên bản đối chiếu khớp với báo cáo tài chính.

##### 2.8.2. Quản lý và sử dụng tài sản cố định (TSCĐ), công cụ dụng cụ (CCDC)

- Trung tâm đã mở sổ theo dõi TSCĐ gồm: Sổ theo dõi TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ; bảng tính hao mòn TSCĐ, số liệu trên các sổ khớp với báo cáo tài chính của Trung tâm.

- Đơn vị chưa tách để theo dõi riêng những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo quy định Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### Tình hình biến động tài sản cố định

*DVT: Triệu đồng*

Năm	Nguyên giá TSCĐ, CCDC đầu năm	Tăng trong năm		Giảm trong năm		Trích hao mòn TSC, CCDC trong năm	Nguyên giá TSCĐ, CCDC cuối năm
		Tổng số	Máy, thiết bị	Tổng số	Máy, thiết bị		
2018	112.483	10.350	10.350	0		23.233	122.833
2019	122.833	38.689	38.689	0		17.118	161.522

*th*

### 2.9. Tình hình công nợ phải thu phải trả

a) Công nợ phải thu thời điểm ngày 31/12/2019: 988.414.647 đồng

- Phải thu khách hàng (tài khoản 131): 575.246.049 đồng

- Trả trước cho người bán (TK331): 366.250.000 đồng

- Phải thu khác (tài khoản 138): 46.918.598 đồng

b) Công nợ phải trả thời điểm 31/12/2019: 20.621.635.377 đồng

- Phải trả người bán (tài khoản 331): 20.419.095.711 đồng

- Phải trả NSNN về các loại thuế (tài khoản 333): 150.054.296 đồng

- Phải trả người lao động (tài khoản 334): 4.613.984 đồng

- Phải trả khác (tài khoản 338): 47.871.386 đồng

Công nợ phải thu, phải trả còn dư tại thời điểm 31/12/2019 là công nợ phát sinh trong năm 2019 còn trong hạn thanh toán.

### 2.10. Công tác tài chính, kế toán

- Về chứng từ kế toán: Trung tâm lập và tập hợp đầy đủ các chứng từ phát sinh.

- Hạch toán kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh được Trung tâm hạch toán đầy đủ, kịp thời, theo quy định.

- Sổ kế toán: Trung tâm mở đầy đủ các loại sổ sách theo quy định, số liệu trên sổ kế toán khớp đúng với chứng từ kế toán và Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán.

- Công tác khóa sổ và lập báo cáo quyết toán năm: Cuối năm Trung tâm đã thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán năm theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Trung tâm đã thực hiện kiểm kê, lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi với ngân hàng và kho bạc nơi mở tài khoản, lập đầy đủ biên bản kiểm kê TSCĐ, CCDC.

- Sổ sách kế toán tại Trung tâm được đóng và sắp xếp gọn gàng, lưu trữ khoa học tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán và công tác kiểm tra kiểm soát.

- Đã công khai dự toán quyết toán năm 2018, công khai dự toán năm 2019 theo quy định.

## IV. Về công tác phòng, chống tham nhũng

### 1. Việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống tham nhũng

- Đã phân công Văn phòng tham mưu thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng theo Quyết định số 104/QĐ-TTTT ngày 28/11/2019 của Giám đốc Trung tâm thông tin.

- Đã xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm theo quy định.



- Đã tổ chức phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành đến công chức, viên chức và người lao động thông qua các hội nghị tổng kết, họp giao ban, họp Chi bộ, họp Công đoàn.

## **2. Kết quả thực hiện công tác kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập 2018**

- Chưa lập kế hoạch công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; chưa lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai trình người đứng đầu đơn vị phê duyệt trước khi triển khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Đã thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại cuộc họp.

- Các bản kê khai được lưu giữ trong hồ sơ của đối tượng thuộc diện phải kê khai theo quy định.

- Đã báo cáo kết quả việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập ngày 15/02/2019 theo quy định.

- Kết quả kê khai tài sản, thu nhập 2018:

+ Tổng số cán bộ thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập: 15 người.

+ Số người đã thực hiện kê khai: 15 người (đạt 100%), trong đó:

Số bản kê khai tài sản, thu nhập do Bộ quản lý: 04 người.

Số bản kê khai tài sản, thu nhập do Trung tâm quản lý: 11 người.

## **3. Việc tiếp nhận xử lý, giải quyết tố cáo về tham nhũng và phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng**

- Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm không tiếp nhận xử lý, giải quyết tố cáo về tham nhũng hoặc phát hiện xử lý hành vi tham nhũng tại Trung tâm.

- Đã thiết lập, công khai các hình thức tiếp nhận tin báo dấu hiệu tham nhũng, tố cáo hành vi tham nhũng. Việc tiếp nhận tin báo dấu hiệu tham nhũng, tố cáo hành vi tham nhũng được giao cho Ban thanh tra nhân dân tiếp nhận và xử lý theo kế hoạch phòng, chống tham nhũng được ban hành hàng năm.

## **V. Xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Trong kỳ thanh tra, không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm.

## **C. KẾT LUẬN**

### **I. Những nhiệm vụ đã được Trung tâm thực hiện**

1. Đã thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao về hoạt động thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê theo Quyết định số 198/QĐ-LĐTBXH ngày 21/02/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

2. Đã báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức, người lao động hàng năm về Bộ theo quy định.

*la*

3. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho 100% công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

4. Đã rà soát và ký kết hợp đồng làm việc đối với 18/18 viên chức theo quy định.

5. Đã thực hiện điều chuyển nội bộ, thay đổi vị trí việc làm phù hợp với tình hình thực tế của Trung tâm và phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm. Việc điều chuyển vị trí việc làm của viên chức, người lao động được người đứng đầu Trung tâm ban hành quyết định điều chuyển theo quy định.

6. Đã thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng và tương đương trở lên trong giai đoạn 2017 - 2021 và giai đoạn 2021 - 2026 theo quy định.

7. Đã thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với nhân sự tại Trung tâm giữ chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp theo Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ: Các trường hợp bổ nhiệm đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí được bổ nhiệm; đáp ứng khung năng lực của đề án vị trí việc làm do Trung tâm xây dựng; thẩm quyền bổ nhiệm được thực hiện theo quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các Đơn vị thuộc Bộ LĐTBXH ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-LĐTBXH ngày 22/3/2007; người được bổ nhiệm từ nguồn quy hoạch đã được phê duyệt.

8. Đã thực hiện các nghĩa vụ liên quan như tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu và thôi việc theo quy định.

9. Công chức, viên chức được nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đảm bảo về điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

10. Thực hiện đúng quy định về thẩm quyền đánh giá, phân loại viên chức, người lao động; phiếu đánh giá, phân loại viên chức, người lao động đã lưu vào hồ sơ theo quy định.

11. Đã thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, phân loại đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động.

12. Đã thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng để bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm; hướng dẫn cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng đối với các phòng theo quy định.

13. Đã thông báo kế hoạch đấu thầu; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu; đăng tải thông tin mời thầu; đóng, mở hồ sơ đề xuất; ký vào các trang chính bản gốc của hồ sơ đề xuất; tổ chức đánh giá, thương thảo hợp đồng, thẩm định hồ sơ đề xuất; ban hành quyết định và thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; tổ chức ký kết hợp đồng với đơn vị trúng thầu, các điều khoản, nội dung của hợp đồng đảm bảo đầy đủ các nội dung chính như phạm vi công việc thực hiện, giá trị hợp đồng, điều kiện, điều khoản thanh toán, thanh lý hợp đồng, thời gian, địa điểm thực hiện, quy định về giải quyết tranh chấp. Các thiết bị được đầu tư, mua sắm đảm bảo đúng

u

thông số kỹ thuật, có đủ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng nhận chất lượng sản phẩm.

14. Đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ trước khi ban hành được lấy ý kiến của toàn bộ công chức, viên chức, người lao động và được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động.

15. Đã trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

16. Đã lập bảng kiểm kê quỹ mỗi tháng, tiền mặt kiểm kê thực tế khớp với sổ sách; đối chiếu tài khoản mở tại kho bạc nhà nước và ngân hàng cuối mỗi tháng, số liệu trên biên bản đối chiếu khớp với báo cáo tài chính của Trung tâm.

17. Mở sổ theo dõi TSCĐ, biên bản kiểm kê TSCĐ, báo cáo tăng giảm TSCĐ; nguyên giá, giá trị còn lại, giá trị tăng giảm khớp với báo cáo tài chính.

18. Đã thực hiện chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; tập hợp đủ các chứng từ phát sinh, hạch toán kế toán các nghiệp vụ phát sinh kịp thời; mở đủ các loại sổ sách, số liệu trên sổ kế toán khớp đúng với chứng từ kế toán và báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán; thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán năm theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sổ sách kế toán được đóng và sắp xếp gọn gàng, lưu trữ khoa học.

19. Đã công khai dự toán ngân sách, quyết toán NSNN hàng năm theo quy định.

20. Đã phân công Văn phòng tham mưu thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; xây dựng chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm; tổ chức phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành đến công chức, viên chức và người lao động thông qua các hội nghị tổng kết, họp giao ban, họp Chi bộ, họp Công đoàn.

21. Đã công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; báo cáo kết quả việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập; các bản kê khai được lưu giữ trong hồ sơ của đối tượng thuộc diện phải kê khai.

22. Đã thiết lập, công khai các hình thức tiếp nhận tin báo dấu hiệu tham nhũng, tố cáo hành vi tham nhũng.

## **II. Những nhiệm vụ chưa được Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

1. Chưa giao kết hợp đồng lao động đúng loại với người lao động theo quy định tại Điều 22 Bộ luật Lao động năm 2012. Cụ thể, Trung tâm ký hợp đồng lao động xác định thời hạn quá 02 lần liên tiếp (cùng một vị trí việc làm) đối với ông (bà) Vũ Thị Hà, Trần Thị Thanh Hoà, Nguyễn Minh Hoàng, Trần Văn Trường, Đỗ Anh Tuấn, Nguyễn Đức Tùng.

u

2. Hợp đồng lao động đã ký kết với người lao động chưa ghi cụ thể quyền và nghĩa vụ của người lao động, các mục thời giờ làm việc, chế độ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp chỉ ghi “theo quy định của nhà nước” là không đúng theo quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 4 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ.

3. Chưa rà soát 02 trường hợp ký kết hợp đồng với người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ để chuyển sang ký kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và Điều 4 Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (gồm bà Dương Thị Hằng, ông Nguyễn Văn Chung).

4. Trung tâm áp dụng bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ để ký kết hợp đồng và trả lương cho người lao động là không đúng theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2012, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ, Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

5. Chưa xây dựng các tiêu chí để đánh giá và phân loại công chức, viên chức, người lao động theo quy định tại Khoản 5, Điều 1 Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ; phần nhận xét, đánh giá ưu, nhược điểm của người có thẩm quyền đánh giá, phân loại chưa ghi cụ thể trong phiếu đánh giá, phân loại theo quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

6. Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt kèm theo Quyết định số 71/QĐ-TTTT ngày 24/10/2019 của Chủ đầu tư nêu yêu cầu “nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu; nhà thầu phải có ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc đại diện nhà sản xuất tại Việt Nam” trong khi đó hàng hóa, tài sản được đầu tư là hàng thông dụng, được tiêu chuẩn hóa và được bảo hành theo quy định của nhà sản xuất là không đúng tại khoản 5, Mục I Chi thị số 47/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/12/2017.

7. Sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để nộp phạt chậm nộp thuế với số tiền 1.390.279 đồng (CTGNH34 ngày 27/12/2019) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

8. Số thuế phải nộp NSNN trên tờ khai Thuế GTGT và tờ khai Thuế TNDN chênh lệch với số thuế GTGT, thuế TNDN phải nộp trên báo cáo tài chính lần lượt là 501.723 đồng và 6.708.414 đồng là chưa đúng yêu cầu đối với công tác kế toán quy định tại Khoản 3 Điều 5 Luật kế toán 2015.

9. Chưa tách riêng những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10. Chưa lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai trình người đứng đầu đơn vị phê duyệt trước khi triển khai bản kê khai tài sản, thu nhập; chưa lập kế hoạch công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 5, Điều 8 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

#### **D. KIẾN NGHỊ**

Từ những thiếu sót trên, Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH yêu cầu Trung tâm và các đơn vị liên quan thực hiện những kiến nghị sau:

##### **I. Đối với Trung tâm**

1. Tổ chức họp, rút kinh nghiệm, khắc phục hạn chế trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác quản lý tài chính, tài sản tại Trung tâm đối với các sai phạm nêu tại điểm II, Mục C kết luận này như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm, thiếu sót số 9.
- Khắc phục trong thời hạn 60 ngày đối với sai phạm, thiếu sót số 01, 02, 03, 04, 05, 07, 08 và 09.
- Khắc phục các sai phạm, thiếu sót số 06 và 10 khi có phát sinh.

2. Tổ chức việc tuyển dụng viên chức theo Công văn số 2058/LĐTBXH-TCCB ngày 09/6/2020 của Bộ về phê duyệt kế hoạch tuyển dụng 16 chỉ tiêu viên chức; chấm dứt việc ký hợp đồng lao động để làm các công việc chuyên môn tại vị trí đã được xác định là viên chức.

3. Xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương cho người lao động theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Lao động năm 2012, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ, Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

##### **II. Đối với các đơn vị chuyên môn thuộc Bộ LĐTBXH**

###### **1. Vụ Tổ chức cán bộ**

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn đối với Trung tâm trong công tác tổ chức cán bộ, đặc biệt về công tác tuyển dụng viên chức, người lao động; xây dựng tiêu chí đánh giá, phân loại viên chức, người lao động.

*th*

## 2. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn đối với Trung tâm thực hiện các chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

### E. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

Giám đốc Trung tâm Thông tin phải thực hiện các kiến nghị nêu tại Phần D Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị về Thanh tra Bộ LĐTĐ (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 30/9/2020. /

#### Nơi nhận:

- Trung tâm Thông tin (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Quân (để b/c);
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (để phối hợp t/h);
- Vụ Tổ chức cán bộ; (để phối hợp t/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTĐ BXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTĐ BXH;
- Lưu TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

**PHỤ LỤC 01: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC MUA SẮM TÀI SẢN  
PHỤC VỤ VIỆC QUẢN LÝ VÀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN**

STT	Tên dự án/tổ chức, cá nhân thực hiện gói thầu	Nội dung công việc thực hiện (tên gói thầu)	Giá trị theo hợp đồng ký kết (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Số còn phải trả (VNĐ)	Ghi chú
<b>A. KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN</b>			<b>20.692.082.838</b>	<b>20.692.082.838</b>	<b>0</b>	
<b>I. NĂM 2018</b>			<b>10.616.066.593</b>	<b>10.616.066.593</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Dịch vụ bảo trì thiết bị tin học và giám sát an toàn thông tin</b>		<b>1.238.472.000</b>	<b>1.238.472.000</b>	<b>0</b>	
1.1	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bảo Long	Dịch vụ bảo trì thiết bị tin học và giám sát an toàn thông tin	194.502.000	194.502.000	0	
1.2	Công ty TNHH Hà Thắng	Dịch vụ bảo hành chính hãng Dell Pro support Plus đối với các thiết bị của hãng Dell trong 01 năm	651.970.000	651.970.000	0	
1.3	Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia	Dịch vụ giám sát an toàn thông tin Công nghệ thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công dịch vụ công trực tuyến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	392.000.000	392.000.000	0	
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Bảo Long	Sửa chữa điều hòa chính xác Inrow của Trung tâm Tích hợp dữ liệu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	224.312.770	224.312.770	0	
3	Công ty Cổ phần Thương mại và đầu tư CDM	Thay thế thiết bị hội nghị truyền hình tại trụ sở số 12 Ngô Quyền Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	457.300.000	457.300.000	0	
4	<b>Xây dựng, nâng cấp, bổ sung phần mềm phục vụ công tác gồm 7 hợp phần</b>		<b>4.931.100.000</b>	<b>4.931.100.000</b>	<b>0</b>	
4.1	Công ty Cổ phần AZET Việt Nam	Nâng cấp, bổ sung Hệ thống thông tin Bộ với người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	447.900.000	447.900.000	0	
4.2		Nâng cấp, bổ sung Module chương trình/ Đề án/Dự án trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	118.200.000	118.200.000	0	
4.3		Nâng cấp và bổ sung một số tính năng trên Cổng thông tin điện tử Bộ LĐTBXH theo các tiêu chuẩn hỗ trợ người khuyết tật WCAG 1.0	597.800.000	597.800.000	0	
4.4	Công ty Cổ phần Goldenbar	Nâng cấp phần mềm công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phục vụ kết nối mạng thông tin	747.800.000	747.800.000	0	
4.5		Nâng cấp Cổng và tích hợp các dịch vụ công trực tuyến lên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.126.400.000	1.126.400.000	0	
4.6		Xây dựng phần mềm Molisa Dashboard (Tổng hợp thông tin hỗ trợ điều hành Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	814.900.000	814.900.000	0	
4.7		Xây dựng phần mềm quản lý công tác Tài chính - kế toán các đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Giai đoạn 1)	1.078.100.000	1.078.100.000	0	

STT	Tên dự án/tổ chức, cá nhân thực hiện gói thầu	Nội dung công việc thực hiện (tên gói thầu)	Giá trị theo hợp đồng ký kết (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Số còn phải trả (VNĐ)	Ghi chú
5	Công ty Cổ phần Goldenbank	Xây dựng 02 dịch vụ công trực tuyến gồm: Hỗ trợ thân nhân người lao động bị chết và Hỗ trợ cho người lao động bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật không đủ sức khỏe để tiếp tục làm việc và phải về nước trước thời hạn	1.796.000.000	1.796.000.000	0	
6	Mua license (bản quyền) phần mềm phục vụ hoạt động của Cổng thông tin điện tử Bộ gồm 3 hợp phần		297.280.100	297.280.100	0	
6.1	Công ty Cổ phần AZET Việt Nam	Mua license (bản quyền) SharePoint	214.761.400	214.761.400	0	
6.2		Mua license (bản quyền) cho SQL Sever	52.549.200	52.549.200	0	
6.3		Mua license (bản quyền) Window Server	29.969.500	29.969.500	0	
7	Công ty Cổ phần AZET Việt Nam	Mua license (bản quyền) phần mềm tự động chuyển ngôn ngữ text sang âm thanh của Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	296.850.000	296.850.000	0	
8	Gia hạn license (bản quyền) sử dụng phần mềm các thiết bị tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gồm 4 hợp phần		871.100.000	871.100.000	0	
8.1	Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại Việt Thành	Mua license (bản quyền) sử dụng phần mềm diệt virus Kaspersky Endpoint Security for Business - Select cho máy chủ, máy trạm, phòng chống Virus mạng 1 năm	95.100.000	95.100.000	0	
8.2	Công ty Cổ phần Tư vấn, ứng dụng và phát triển công nghệ	Gia hạn 01 năm gói Cổ phầnCES-CO-Standard về cập nhật bản quyền, bảo hành thiết bị phần cứng và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 1 năm cho hệ thống tường lửa Checkpoint	250.000.000	250.000.000	0	
8.3		Gia hạn 01 năm bản quyền cho phần mềm điều khiển thiết bị phần cứng mail gateway	190.000.000	190.000.000	0	
8.4	Công ty Cổ phần Công nghệ và thương mại Việt Thành	Gia hạn 01 năm bản quyền phần mềm SYMC MAIL SECURITY FOR MS EXCHANGE ANTIVIRUS AND ANTISPAM 7.5 để chống virus và spam cho hệ thống thư điện tử	336.000.000	336.000.000	0	
9	Công ty Cổ phần công nghệ và Thương mại Việt Thành	Thuê dịch vụ hỗ trợ sao lưu, phục hồi dữ liệu	98.000.000	98.000.000	0	
10	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI, công ty PVI Thăng Long	Mua bảo hiểm cháy nổ cho Trung tâm tích hợp dữ liệu năm 2018	159.996.723	159.996.723	0	
11	Công ty TNHH Thương mại ứng dụng công nghệ truyền thông Tân Thanh	Xây dựng phóng sự tài liệu về các sự kiện nổi bật của Bộ, ngành năm 2018	85.000.000	85.000.000	0	
12	Thiết kế, chế bản, in ấn sách, tài liệu		121.655.000	121.655.000	0	
12.1	Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và in Phú sỹ	Thiết kế, chế bản, in ấn cuốn thông tin và số liệu lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội năm 2017	39.000.000	39.000.000	0	
12.2		Thiết kế, chế bản, in ấn cuốn sách ảnh về các sự kiện Bộ, ngành năm 2018	60.380.000	60.380.000	0	
12.3		In báo cáo kết quả Molisa ICT Index 2018	22.275.000	22.275.000	0	
13	Mua sắm thiết bị văn phòng		39.000.000	39.000.000	0	



STT	Tên dự án/tổ chức, cá nhân thực hiện gói thầu	Nội dung công việc thực hiện (tên gói thầu)	Giá trị theo hợp đồng ký kết (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Số còn phải trả (VNĐ)	Ghi chú
13.1		Ghế nhân viên	30.000.000	30.000.000	0	
13.2	Công ty TNHH sản xuất thương mại nội thất Hải Anh	Bàn nhân viên	6.000.000	6.000.000	0	
13.3		Bàn trưởng phòng	3.000.000	3.000.000	0	
<b>II. NĂM 2019</b>			<b>10.076.016.245</b>	<b>10.076.016.245</b>	<b>0</b>	
1	<b>Xây dựng và nâng cấp các phần mềm Một cửa liên thông thủ tục hành chính và Liên thông văn bản điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gồm 2 hợp phần</b>		<b>2.582.900.000</b>	<b>2.582.900.000</b>	<b>0</b>	
1.1	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư EDX	Hợp phần 1: Xây dựng phần mềm Một cửa liên thông thủ tục hành chính của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	1.750.800.000	1.750.800.000	0	
1.2		Hợp phần 2: Nâng cấp phần mềm Liên thông văn bản điện tử tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	832.100.000	832.100.000	0	
2	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư EDX	Tích hợp giải pháp chữ ký số công cộng và chữ ký số trên thiết bị di động vào quản lý văn bản điện tử và dịch vụ công trực tuyến tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	669.500.000	669.500.000	0	
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Trường Việt	Nâng cấp phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu về lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài	198.000.000	198.000.000	0	
4	<b>Dịch vụ bảo hành thiết bị tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2019</b>		<b>798.686.580</b>	<b>798.686.580</b>	<b>0</b>	
4.1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Bảo Long	Hợp phần 1: Dịch vụ bảo hành toàn phần chính hãng APC trong 01 năm cho 01 UPS Symmetra PX32KVA	264.371.580	264.371.580	0	
4.2		Hợp phần 2: Dịch vụ bảo hành toàn phần chính hãng APC trong 01 năm cho 4 điều hòa Inrow ACRD101	534.315.000	534.315.000	0	
5	<b>Cung cấp bản quyền sử dụng phần mềm</b>		<b>884.080.000</b>	<b>884.080.000</b>	<b>0</b>	
5.1	Công ty cổ phần ứng dụng khoa học và công nghệ Mitec	Hợp phần 1: Gia hạn 01 năm bản quyền phần mềm diệt virus Kaspersky Endpoint Security for Business - Select cho máy chủ, máy trạm, phòng chống Virus mạng	95.580.000	95.580.000	0	
5.2	Công ty cổ phần ứng dụng và phát triển công nghệ	Hợp phần 2: Gia hạn 1 năm gói Cổ phầnCES-CO-STANDARD về cập nhật bản quyền, bảo hành thiết bị phần cứng và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật 01 năm cho hệ thống tường lửa Checkpoint	250.000.000	250.000.000	0	
5.3		Hợp phần 3: Gia hạn 01 năm bản quyền phần mềm điều khiển thiết bị phần cứng mail gateway (Mail - Secure 3010)	190.000.000	190.000.000	0	
5.4	Công ty cổ phần ứng dụng khoa học và công nghệ Mitec	Hợp phần 4: Mua và cập nhật bản quyền trong 01 năm phần mềm phòng chống mã độc cho hệ thống thư điện tử công vụ của Bộ	348.500.000	348.500.000	0	
6	Công ty cổ phần công nghệ và Thương mại Việt Thành.	Thuê dịch vụ hỗ trợ sao lưu, phục hồi dữ liệu	98.000.000	98.000.000	0	

STT	Tên dự án/tổ chức, cá nhân thực hiện gói thầu	Nội dung công việc thực hiện (tên gói thầu)	Giá trị theo hợp đồng ký kết (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Số còn phải trả (VNĐ)	Ghi chú
7	Công ty Cổ phần truyền thông số 1	Dịch vụ giám sát an toàn an ninh thông tin cho toàn bộ hệ thống mạng, các Cổng thông tin điện tử, website tại Bộ	205.000.000	205.000.000	0	
8	Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng kỹ thuật và sản xuất	Mua màn hình Tivi trình chiếu chuyên dụng lắp đặt tại Nhà A Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội số 12 Ngô Quyền	558.800.000	558.800.000	0	
9	Công ty TNHH Thương mại và đầu tư CDM	Triển khai hệ thống điều hành trực tuyến tại Bộ	1.448.150.000	1.448.150.000	0	
10	Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng kỹ thuật và sản xuất	Triển khai hệ thống wifi tập trung tại trụ sở chính của Bộ	2.073.368.000	2.073.368.000	0	
11	Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Mua bảo hiểm cháy nổ cho Trung tâm tích hợp dữ liệu năm 2019	148.939.665	148.939.665	0	
12	Công ty cổ phần ứng dụng khoa học và công nghệ Mitec	Mua bộ sung Ram lắp đặt cho hệ thống máy chủ DELL tại trung tâm Tích hợp dữ liệu của Bộ	24.992.000	24.992.000	0	
13	<b>Thiết kế, chế bản, in ấn sách, tài liệu</b>		<b>175.600.000</b>	<b>175.600.000</b>	<b>0</b>	
13.1	Cửa hàng in ấn Nguyễn Thị Huệ	Hợp phần 1: In báo cáo kết quả molisa ICT Index 2019	22.680.000	22.680.000	0	
13.2		Hợp phần 2: In ấn cuốn Bộ chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử của Bộ, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	52.940.000	52.940.000	0	
13.3		Hợp phần 3: Thiết kế, chế bản, in ấn cuốn Thông tin và số liệu lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội năm 2018	39.000.000	39.000.000	0	
13.4	Công ty TNHH một thành viên in và nghiên cứu thị trường Việt Cường	Hợp phần 4: Thiết kế, chế bản, in ấn cuốn sách ảnh về các sự kiện Bộ, ngành năm 2019	60.980.000	60.980.000	0	
14	Công ty TNHH thương mại Ứng dụng Công nghệ Truyền thông Tân Thanh	Xây dựng phóng sự tài liệu về kết quả công tác năm 2019 và triển khai nhiệm vụ công tác Lao động, Người có công và Xã hội năm 2020	92.000.000	92.000.000	0	
15	Công ty TNHH Ứng dụng công nghệ truyền thông HQC	Xây dựng phóng sự về công tác chỉ đạo, điều hành và kết quả thực hiện nhiệm vụ lao động, người có công và xã hội (thực hiện theo quý)	118.000.000	118.000.000	0	
<b>B. DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>			<b>46.998.201.000</b>	<b>39.072.751.000</b>	<b>366.750.000</b>	
<b>I. NĂM 2018</b>			<b>11.534.361.500</b>	<b>11.167.611.500</b>	<b>366.750.000</b>	
1	Cửa hàng VPP Nguyễn Quang Toàn	Gói thầu cung cấp văn phòng phẩm năm 2018 của Dự án Tăng cường năng lực Công nghệ thông tin	22.263.500	22.263.500	0	
2	Công ty TNHH Công nghệ thông tin và viễn thông Hoàng Dũng	Gói thầu cung cấp tài sản phục vụ quản lý của DA tăng cường năng lực Công nghệ thông tin	98.400.000	98.400.000	0	
3	Công ty TNHH Truyền thông mạng Việt nam	Gói thầu lập HSMT, đánh giá HSĐT gói thầu Thiết kế thi công và tổng dự toán	24.860.000	24.860.000	0	

STT	Tên dự án/tổ chức, cá nhân thực hiện gói thầu	Nội dung công việc thực hiện (tên gói thầu)	Giá trị theo hợp đồng ký kết (VNĐ)	Đã thanh toán (VNĐ)	Số còn phải trả (VNĐ)	Ghi chú
4	Công ty Cổ phần Teckad	Gói thầu Thiết kế thi công và tổng dự toán	955.900.000	955.900.000	0	
5	Công ty TNHH phát triển thương mại và đầu tư công nghệ CIT	Gói thầu Thẩm tra thiết kế thi công và tổng dự toán	51.996.000	51.996.000	0	
6	Công ty TNHH phát triển thương mại và đầu tư công nghệ CIT	Gói thầu Thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi sau điều chỉnh	18.300.000	18.300.000	0	
7	Công ty Cổ phần Teckad	Gói thầu lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm thiết bị và phần mềm toàn bộ Dự án	118.500.000	59.000.000	59.500.000	chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng
8	Công ty cổ phần Technology MT9	Gói thầu thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu của toàn bộ Dự án	62.000.000	31.000.000	31.000.000	chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng
9	Trung tâm tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư Công nghệ thông tin	Gói thầu Giám sát thi công lắp đặt thiết bị và cài đặt phần mềm của toàn bộ Dự án	495.000.000	247.500.000	247.500.000	chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng
10	Công ty cổ phần Thẩm định ASIAN	Gói thầu Thẩm định giá thiết bị và phần mềm thương mại của toàn bộ Dự án theo	57.500.000	28.750.000	28.750.000	chưa nghiệm thu, thanh lý hợp đồng
11	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng và thương mại Việt nam	Gói thầu 01-Mua sắm máy chủ và hệ thống lưu trữ cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu	9.629.642.000	9.629.642.000	0	
<b>II. NĂM 2019</b>			<b>27.905.139.500</b>	<b>27.905.139.500</b>	<b>0</b>	
12	Công ty TNHH MTV ứng dụng kỹ thuật và sản xuất	Gói thầu số 02-Mua sắm hệ thống lưu trữ cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu dự phòng, HĐ số 2006/2019/HĐKT-TTTT-TECAPRO ngày 20/6/2019	10.615.000.000	10.615.000.000	0	
13	Công ty Cổ phần ứng dụng khoa học và công nghệ Mitec	Gói thầu số 03-Mua sắm hệ thống máy chủ cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu dự phòng	17.248.200.000	17.248.200.000	0	
14	Cửa hàng Nguyễn Quang Toàn	Gói thầu cung cấp VPP năm 2019 của Dự án Tăng cường năng lực Công nghệ thông tin	41.939.500	41.939.500	0	
<b>III. NĂM 2020</b>			<b>7.558.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>Đang thực hiện</b>
15	Công ty cổ phần Tập đoàn Trí Nam	Gói thầu số 04: Mua sắm máy chủ cho hệ thống Enterprise Service Bus	3.062.000.000	0	0	Đang thực hiện
16	Công ty cổ phần Tập đoàn Trí Nam	Gói thầu số 05: Mua sắm hệ thống phần mềm lõi LGSP (ESB)	4.496.700.000	0	0	Đang thực hiện

**PHỤ LỤC 02: CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI**

ĐVT: Đồng

TT	KHOẢN MỤC KINH PHÍ	NĂM 2018	NĂM 2019
	<b>Tổng chi (I+II+III)</b>	<b>23.321.319.566</b>	<b>31.766.515.840</b>
<b>I</b>	<b>Chi hoạt động thường xuyên</b>	<b>3.926.000.000</b>	
1	Tiền lương, phụ cấp	2.125.789.229	
2	Thu nhập tăng thêm	103.000.000	
3	Các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)	491.921.609	
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	135.573.729	
5	Chi vật tư văn phòng	99.246.085	
6	Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc	68.088.813	
7	Chi công tác phí	89.085.000	
8	Chi phí thuê mướn	42.070.999	
9	Mua sắm tài sản cố định	22.513.600	
10	Chi sửa chữa thường xuyên	66.654.536	
11	Chi công tác Đảng	24.210.000	
12	Chi lập các quỹ của đơn vị	556.082.831	
13	Các khoản chi khác	101.763.569	
<b>II</b>	<b>Chi hoạt động không thường xuyên</b>	<b>13.050.000.000</b>	<b>15.656.050.075</b>
1	Tiền lương, phụ cấp		2.272.062.959
2	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		187.600.000
3	Các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)		524.219.770
4	Thanh toán dịch vụ công cộng		90.724.333
5	Chi vật tư văn phòng		75.736.500
6	Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc		277.786.206
7	Chi công tác phí		130.055.000
8	Chi phí thuê mướn		44.770.000
9	Chi hội nghị		154.640.000
10	Chi công tác Đảng		25.920.000
11	Chi lập các quỹ của đơn vị		0
12	Các khoản chi khác		449.079.885
13	Chi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn	4.662.746.211	3.599.416.580
14	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản thiết bị	8.387.253.789	7.824.038.842
<b>III</b>	<b>Chi dự án đầu tư</b>	<b>4.999.750.000</b>	<b>15.000.250.000</b>
1	Chi phí khác	1.679.625.050	227.293.000
2	Chi phí thiết bị	3.320.124.950	14.772.957.000
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn thu sự nghiệp</b>	<b>1.345.569.566</b>	<b>1.110.215.765</b>
1	Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	1.345.569.566	1.110.215.765
2	Hoạt động bảo trì phần mềm Quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi Người có công (Các Sở LĐTBXH)	382.500.000	475.025.000
3	Hoạt động cập nhật, duy trì nội dung trên các Trang thông tin điện tử	395.836.000	430.740.000
4	Hoạt động chuyển đổi dữ liệu	19.350.000	78.256.143
5	Hoạt động xây dựng phần mềm	419.618.000	
6	Hoạt động tập huấn phần mềm Quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi Người có công	28.340.909	19.010.909
7	Chi khác	99.924.657	107.183.713